Câu 445. Trong huyết tương, thời gian bán thải của:

Câu 445.1. Một hormone là một nửa thời gian để nó đào thải khỏi máu

A. Đúng B. Sai

Câu 445.2. Insulin là từ 5 đến 10 giờ

A. Đúng B. Sai

Câu 445.3. Thyroxine dài hơn thời gian bán thải của adrenalin

A. Đúng B. Sai

Câu 445.4. Thyroxine dài hơn thời gian bán thải của triiodothyronine

A. Đúng B. Sai

Câu 445.5. Noradrenaline dài hơn thời gian bán thải của acetylcholine

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 446. Trong giấc ngủ, có sự giảm nồng độ lưu hành của hormone:

Câu 446.1. Cortisol

A. Đúng B. Sai

Câu 446.2. Insulin

A. Đúng B. Sai

Câu 446.3. Adrenalin

A. Đúng B. Sai

Câu 446.4. ADH

A. Đúng B. Sai

Câu 446.5. GH

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 447. Bài tiết ACTH tăng lên:

Câu 447.1. Khi lồi giữa của vùng dưới đồi bị kích thích

A. Đúng B. Sai

Câu 447.2. Khi nồng độ aldosterone máu giảm

A. Đúng B. Sai

Câu 447.3. Khi nồng độ cortisol máu giảm

A. Đúng B. Sai

Câu 447.4. Tỉnh giấc giữa đêm khi đạt được thời gian thức giấc thông thường

A. Đúng B. Sai

Câu 447.5. Sau chấn thương nghiêm trọng

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 449. Hormone tuyến giáp khi được bài tiết quá mức sẽ gây gia tăng:

Câu 449.1. Sức cản ngoại biên

A. Đúng B. Sai

Câu 449.2. Tần xuất đại tiện

A. Đúng B. Sai

Câu 449.3. Năng lượng cần thiết cho một tải lượng công việc nhất định

A. Đúng B. Sai

Câu 449.4. Thời gian phản xạ gân

A. Đúng B. Sai

Câu 449.4. Nhịp tim khi các receptor giao cảm và phó giao cảm của tim bị chặn

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 450. Bài tiết aldosterone tăng lên bởi sự gia tăng trong huyết tương:

Câu 450.1. Thể tích

A. Đúng B. Sai

Câu 450.2. Áp lực thẩm thấu

A. Đúng B. Sai

Câu 450.3. Nồng độ Kali

A. Đúng B. Sai

Câu 450.4. Nồng độ renin

A. Đúng B. Sai

Câu 450.5. Nồng độ ACTH

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 453. Hormone GH:

Câu 453.1. Thúc đẩy cân bằng nitrogen và phospho dương

A. Đúng B. Sai

Câu 453.2. Bài tiết dưới sự điều khiển của vùng dưới đồi

A. Đúng B. Sai

Câu 453.3. Nồng độ trong máu ở trẻ em cao hơn người lớn

A. Đúng B. Sai

Câu 453.4. Bài tiết tăng lên khi ngủ

A. Đúng B. Sai

Câu 453.5. Kích thích gan bài tiết somatomedin để điều hòa sự phát triển của xương và sụn

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 454. Hormone tuyến cận giáp

Câu 454.1. Sự bài tiết được điều hòa bởi hệ thống điều hòa ngược tuyến yên

A. Đúng B. Sai

Câu 454.2. Hoạt động trực tiếp lên xương làm tăng tái hấp thu ở xương

A. Đúng B. Sai

Câu 454.3. Làm giảm lượng calci nước tiểu

A. Đúng B. Sai

Câu 454.4. Giảm bài xuất phosphate

A. Đúng B. Sai

Câu 454.5. Thúc đẩy hấp thu calci ở ruột non

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 455. Hormone ADH (vasopressin):

Câu 455.1. Được giải phóng từ các tận cùng thần kinh ở thùy sau tuyến yên

A. Đúng B. Sai

Câu 455.2. Có xu hướng làm tăng áp lực thẩm thấu huyết tương

A. Đúng B. Sai

Câu 455.3. Làm tăng tính thấm của tế bào quai Henle với nước

A. Đúng B. Sai

Câu 455.4. Sự bài tiết ít bị ảnh hường bởi sự thay đổi áp lực thẩm thấu huyết tương dưới 10%

A. Đúng B. Sai

Câu 455.5. Bài tiết tăng khi thể tích huyết tương giảm nhưng áp lực thẩm thấu không đổi

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 458. Cortisol:

Câu 458.1. Gắn với một alpha globulin trong huyết tương

A. Đúng B. Sai

Câu 458.2. Bị bất hoạt tại gan và bài xuất trong mật

A. Đúng B. Sai

Câu 458.3. Tiêm cortisol làm tăng huyết áp động mạch

A. Đúng B. Sai

Câu 458.4. Ức chế giải phóng ACTH từ thùy trước tuyến yên

A. Đúng B. Sai

Câu 458.5. Được giải phóng theo nhịp sinh học nên nồng độ cortisol máu đạt đỉnh vào buổi sáng

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 459. Khi hoạt động bài tiết của tuyến giáp tăng lên:

Câu 459.1. Tuyến lấy iod từ máu với tốc độ nhanh hơn

A. Đúng B. Sai

Câu 459.2. Các nang tuyến nở rộng và chứa đầy chất keo

A. Đúng B. Sai

Câu 459.3. Các tế bào nang trở thành hình trụ

A. Đúng B. Sai

Câu 459.4. Các tế bào nang tiêu chất keo bằng nhập bào

A. Đúng B. Sai

Câu 459.5. Nồng độ TSH trong máu tăng

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 460. Sự giải phóng các hormone sản xuất ở vùng dưới đồi:

Câu 460.1. Được bài tiết bởi các tế bào vùng lồi giữa

A. Đúng B. Sai

Câu 460.2. Vượt qua sợi trục tế bào thần kinh để đến tuyến yên

A. Đúng B. Sai

Câu 460.3. Có thể điều khiển lượng bài tiết của một số hormone tuyến yên

A. Đúng B. Sai

Câu 460.4. Điều hòa giải phóng thyrotropin

A. Đúng B. Sai

Câu 460.5. Điều hòa giải phóng oxytocin

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 461. Bài tiết adrenalin từ tuyến thượng thận làm tăng:

Câu 461.1. Nồng độ glucose máu

A. Đúng B. Sai

Câu 461.2. Nồng độ acid béo tự do máu

A. Đúng B. Sai

Câu 461.3. Lưu lượng máu đến cơ xương

A. Đúng B. Sai

Câu 461.4. Lưu lượng máu đến vùng nội tạng

A. Đúng B. Sai

Câu 461.5. Giải phóng renin ở thận

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 462. Sự bài tiết TSH tăng lên bởi:

Câu 462.1. Sau khi loại bỏ một phần tuyến giáp

A. Đúng B. Sai

Câu 462.2. Ở trẻ sơ sinh không có tuyến giáp

A. Đúng B. Sai

Câu 462.3. Khi tốc độ chuyển hóa giảm

A. Đúng B. Sai

Câu 462.4. Khi đói

A. Đúng B. Sai

Câu 462.5. Khi chế độ ăn thiếu iod

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 463. Hormone insulin:

Câu 463.1. Kích thích giải phóng acid béo tự do từ mô mỡ

A. Đúng B. Sai

Câu 463.2. Có xu hướng làm tăng nồng độ Kali máu

A. Đúng B. Sai

Câu 463.3. Tạo điều kiện cho glucose đi vào cơ xương

A. Đúng B. Sai

Câu 463.4. Tạo điều kiện cho acid amin đi vào cơ xương

A. Đúng B. Sai

Câu 463.5. Sự bài tiết insulin tăng lên bởi hoạt động thần kinh phế vị

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 464. Tuyến yên:

Câu 464.1. Điều hòa hoạt động của tất cả các tuyến nội tiết khác

A. Đúng B. Sai

Câu 464.2. Lượng prolactin được điều hòa bởi yếu tố giải phóng vùng dưới đồi

A. Đúng B. Sai

Câu 464.3. Bài tiết ADH khi áp lực thẩm thấu máu giảm

A. Đúng B. Sai

Câu 464.4. Thùy giữa bài tiết melanotropin

A. Đúng B. Sai

Câu 464.5. Đáp ứng với tác động thần kinh và thể dịch từ não

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 465. Hormone thyrocalcitonin

Câu 465.1. Được sản xuất từ các tế bào nang của tuyến giáp

A. Đúng B. Sai

Câu 465.2. Làm tăng tốc độ chuyển hóa cơ sở

A. Đúng B. Sai

Câu 465.3. Làm giảm calci máu ở động vật cắt tuyến cận giáp

A. Đúng B. Sai

Câu 465.4. Sự bài tiết xảy ra khi nồng độ phosphate máu tăng

A. Đúng B. Sai

Câu 465.5. Kích thích hoạt động các hủy cốt bào

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 466. Tuyến giáp:

Câu 466.1. Lấy iod ngược chiều gradient điện hóa

A. Đúng B. Sai

Câu 466.2. Giảm kích thước khi chế độ ăn thiếu iod

A. Đúng B. Sai

Câu 466.3. Tương đối vô mạch

A. Đúng B. Sai

Câu 466.4. Chứa các enzyme oxy hóa iodide thành iodine

A. Đúng B. Sai

Câu 466.5. Chứa các enzyme iod hóa tyrosine

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 467. Adrenalin khác noradrenalin ở các điểm sau:

Câu 467.1. Làm tăng nhịp tim khi tiêm tĩnh mạch

A. Đúng B. Sai

Câu 467.2. Là catecholamine chính bài tiết bởi tủy thượng thận

A. Đúng B. Sai

Câu 467.3. Làm tăng sức co bóp cơ tim

A. Đúng B. Sai

Câu 467.4. Là một chất gây giãn phế quản hiệu quả hơn

A. Đúng B. Sai

Câu 467.5. Làm co mạch máu màng nhày

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 468. Bài tiết GH:

Câu 468.1. Được kích thích bởi somatostatin giải phóng từ vùng dưới đồi

A. Đúng B. Sai

Câu 468.2. Tăng khi nồng độ glucose máu giảm

A. Đúng B. Sai

Câu 468.3. Có tác dụng tiết sữa

A. Đúng B. Sai

Câu 468.4. Làm tăng kích thước nội tạng

A. Đúng B. Sai

Câu 468.5. Kích thích gan sản xuất somatomedin

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 469. Vitamin D:

Câu 469.1. Làm tăng hấp thu calci ruột

A. Đúng B. Sai

Câu 469.2. Thiết yếu cho sự calci hóa bình thường của xương ở trẻ em

A. Đúng B. Sai

Câu 469.3. Cần chuyển hóa ở gan để hoạt hóa

A. Đúng B. Sai

Câu 469.4. Không được tổng hợp trong cơ thể

A. Đúng B. Sai

Câu 469.5. Thiếu vitamin D có thể dẫn đến cường cận giáp

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 470. Hormone prolactin:

Câu 470.1. Có cấu trúc hóa học và tác dụng sinh lý tương tự LH

A. Đúng B. Sai

Câu 470.2. Có vai trò phát triển vú ở tuổi dậy thì

A. Đúng B. Sai

Câu 470.3. Sự giải phóng bị ức chế bởi dopamine

A. Đúng B. Sai

Câu 470.4. Sự bài tiết được kích thích bởi hoạt động bú

A. Đúng B. Sai

Câu 470.5. Gây ra bài xuất sữa non từ vú khi bú

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 471. Nồng độ calci ion hóa trong máu giảm khi:

Câu 471.1. Nồng độ phosphate máu giảm

A. Đúng B. Sai

Câu 471.2. Tăng thông khí

A. Đúng B. Sai

Câu 471.3. Tuyến giáp được tưới máu với dịch giàu calci

A. Đúng B. Sai

Câu 471.4. Nồng độ protein máu giảm

A. Đúng B. Sai

Câu 471.5. Natri citrate được đưa vào máu

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 472. Hormone thyroxine:

Câu 472.1. Được dự trữ ở các tế bào nang dưới dạng thyroglobulin

A. Đúng B. Sai

Câu 472.2. Làm tăng tốc độ sản xuất carbon dioxide khi nghỉ

A. Đúng B. Sai

Câu 472.3. Thiết yếu cho sự phát triển bình thường của não

A. Đúng B. Sai

Câu 472.4. Thiết yếu cho sản xuất hồng cầu bình thường

A. Đúng B. Sai

Câu 472.5. Tác dụng nhanh hơn T3

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 473. Hormone tuyến cận giáp:

Câu 473.1. Làm giảm độ thanh thải phosphate ở thận

A. Đúng B. Sai

Câu 473.2. Huy động calci từ xương độc lập với tác dụng trên thận

A. Đúng B. Sai

Câu 473.3. Ức chế hoạt động tuyến yên trước

A. Đúng B. Sai

Câu 473.4. Tăng lên trong máu khi nồng độ calci máu giảm

A. Đúng B. Sai

Câu 473.5. Kích thích quá trình hoạt hóa cuối cùng của vitamin D (cholecalciferol) ở thận

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 474. Cấu trúc hóa học của insulin:

Câu 474.1. Chứa một vòng sterol

A. Đúng B. Sai

Câu 474.2. Giống hệt nhau ở tất cả động vật có vú

A. Đúng B. Sai

Câu 474.3. Có tác dụng khi dùng đường uống

A. Đúng B. Sai

Câu 474.4. Đã được tổng hợp trong phòng thí nghiệm

A. Đúng B. Sai

Câu 474.5. Có thể được tổng hợp bởi vi khuẩn

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 475. Các hormone bài tiết bởi vỏ thượng thận

Câu 475.1. Bao gồm cholesterol

A. Đúng B. Sai

Câu 475.2. Hầu hết gắn vào protein huyết tương

A. Đúng B. Sai

Câu 475.3. Bao gồm các hormone sinh dục

A. Đúng B. Sai

Câu 475.4. Được bài xuất chủ yếu ở mật sau khi kết hợp

A. Đúng B. Sai

Câu 475.5. Thiết yếu để duy trì sự sống

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 478. Sự ức chế của enzyme chuyển angiotensin (ACE) làm giảm:

Câu 478.1. Sự hình thành angiotensin II

A. Đúng B. Sai

Câu 478.2. Nồng độ renin huyết tương

A. Đúng B. Sai

Câu 478.3. Hoạt động của tim

A. Đúng B. Sai

Câu 478.4. Nồng độ angiotensin I lưu hành

A. Đúng B. Sai

Câu 478.5. Kali toàn cơ thể

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 479. Nồng độ ACTH huyết tương:

Câu 479.1. Đạt giá trị tối đa vào nửa đêm

A. Đúng B. Sai

Câu 479.2. Được điều hòa chủ yếu bởi nồng độ cortisol máu

A. Đúng B. Sai

Câu 479.3. Biểu hiện sự biến động sinh học quá mức ở khối u thượng thận

A. Đúng B. Sai

Câu 479.4. Tăng lên khi suy thượng thận toàn bộ

A. Đúng B. Sai

Câu 479.5. Giảm ở bệnh nhân điều trị glucocorticoid liều cao, kéo dài

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 480. Hậu quả có thể xảy ra đối với suy giáp trạng bao gồm:

Câu 480.1. Nhiệt độ trung tâm cơ thể dưới mức bình thường

A. Đúng B. Sai

Câu 480.2. Xu hướng rơi vào giấc ngủ thường xuyên

A. Đúng B. Sai

Câu 480.3. Tăng lông trên cơ thể (rậm long)

A. Đúng B. Sai

Câu 480.4. Bàn tay và bàn chân ẩm

A. Đúng B. Sai

Câu 480.5. Nhãn cầu lồi ra

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 481. Mất hoàn toàn đột ngột chức năng tuyến cận giáp

Câu 481.1. Dẫn đến co cơ xương

A. Đúng B. Sai

Câu 481.2. Có thể gây tử vong nếu không được điều trị nâng cao nồng độ calci ion hóa trong máu

A. Đúng B. Sai

Câu 481.3. Gây các bệnh xuất huyết do thiếu calci để cầm máu

A. Đúng B. Sai

Câu 481.4. Có thể được điều trị ngắn hạn bằng tiêm tĩnh mạch chậm calci ion

A. Đúng B. Sai

Câu 481.5. Có thể được điều trị dài hạn bằng liều vitamin D thông thường

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 482. Khi một bệnh nhân đái tháo nhạt được điều trị thành công bằng ADH:

Câu 482.1. Tốc độ dòng nước tiểu có thể giảm khoảng 50%

A. Đúng B. Sai

Câu 482.2. Lượng nước tiểu có thể giảm xuống khoảng 5ml/phút

A. Đúng B. Sai

Câu 482.3. Áp lực thẩm thấu nước tiểu có thể tăng lên đạt từ 100 đến 200 mosmol/l

A. Đúng B. Sai

Câu 482.4. Tiêu thụ muối cần được điều chỉnh cần thận

A. Đúng B. Sai

Câu 482.5. Huyết áp có thể ổn định trong ngưỡng bình thường

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 484. Cường giáp trạng liên quan đến:

Câu 484.1. Cân bằng nitrogen dương

A. Đúng B. Sai

Câu 484.2. Giảm bài xuất calci nước tiểu

A. Đúng B. Sai

Câu 484.3. Biểu hiện lâm sàng phù hợp với sự kích thích quá mức receptor beta adrenergic

A. Đúng B. Sai

Câu 484.4. Giảm khả năng chịu nhiệt

A. Đúng B. Sai

Câu 484.5. Tăng nồng độ của protein gắn thyroxine trong huyết tương

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 485. U tủy thượng thận có thể gây tăng:

Câu 485.1. Huyết áp tâm thu thoáng qua hoặc kéo dài

A. Đúng B. Sai

Câu 485.2. Run khi dạng bàn tay

A. Đúng B. Sai

Câu 485.3. Tốc độ chuyển hóa cơ sở

A. Đúng B. Sai

Câu 485.4. Huyết áp động mạch tâm trương không đáp ứng với thuốc chẹn thụ thể alpha adrenergic

A. Đúng B. Sai

Câu 485.5. Catecholamine nước tiểu

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 486. Tầm vóc lùn quan sát thấy ở người trưởng thành mà thời thơ ấu bị:

Câu 486.1. Suy dinh dưỡng mạn tính

A. Đúng B. Sai

Câu 486.2. Thiến

A. Đúng B. Sai

Câu 486.3. Dậy thì sớm

A. Đúng B. Sai

Câu 486.4. Thiếu tuyến giáp

A. Đúng B. Sai

Câu 486.5. Thiếu tuyến thượng thận

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 487. Hormone insulin:

Câu 487.1. Nhu cầu vào buổi tối tương đương với ban ngày

A. Đúng B. Sai

Câu 487.2. Thời gian bán thải thường giảm ở bệnh nhân đái tháo đường

A. Đúng B. Sai

Câu 487.3. Gắn một phần vào protein trong máu

A. Đúng B. Sai

Câu 487.4. Nhu cầu tăng ở bệnh béo phì

A. Đúng B. Sai

Câu 487.5. Nhu cầu tăng do tập thể dục

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 488. Nguy cơ cơn tetani tăng lên khi:

Câu 488.1. Tăng đột ngột bicarbonate huyết tương

A. Đúng B. Sai

Câu 488.2. Tăng đột ngột magie huyết tương

A. Đúng B. Sai

Câu 488.3. Loại bỏ thùy trước tuyến yên

A. Đúng B. Sai

Câu 488.4. Khởi phát suy hô hấp

A. Đúng B. Sai

Câu 488.5. Khởi phát suy thận

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 489. Sự phá hủy thùy trước tuyến yên gây nên:

Câu 489.1. Vô kinh

A. Đúng B. Sai

Câu 489.2. Đái tháo nhạt

A. Đúng B. Sai

Câu 489.3. Da nhợt nhạt

A. Đúng B. Sai

Câu 489.4. Mất khả năng chịu đựng stress nặng

A. Đúng B. Sai

Câu 489.5. Giảm tốc độ chuyển hóa cơ sở

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 490. Loại bỏ tuyến giáp (không điều trị thay thế) có thể dẫn đến tăng:

Câu 490.1. Nồng độ TSH máu

A. Đúng B. Sai

Câu 490.2. Nồng độ cholesterol máu

A. Đúng B. Sai

Câu 490.3. Nồng độ glucose máu trong nghiệm pháp dung nạp đường huyết đường uống

A. Đúng B. Sai

Câu 490.4. Thời gian đáp ứng phản xạ gân

A. Đúng B. Sai

Câu 490.5. Run đầu ngón

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 491. Trong đái tháo đường nặng, có thể giảm:

Câu 491.1. Áp lực thẩm thấu dịch ngoại bào

A. Đúng B. Sai

Câu 491.2. Cảm giác thèm ăn

A. Đúng B. Sai

Câu 491.3. Thể tích máu

A. Đúng B. Sai

Câu 491.4. pH máu động mạch dưới 7.0

A. Đúng B. Sai

Câu 491.5. Bicarbonate máu xuống còn một nửa giá trị bình thường

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 492. Sản xuất glucocorticoid quá mức (hội chứng Cushing) gây tăng:

Câu 492.1. Độ dày da

A. Đúng B. Sai

Câu 492.2. Sức mạnh xương

A. Đúng B. Sai

Câu 492.3. Glucose máu

A. Đúng B. Sai

Câu 492.4. Huyết áp động mạch

A. Đúng B. Sai

Câu 492.5. Tốc độ liền vết thương

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 493. Khối u tuyến yên bài tiết quá mức GH ở người trưởng thành có thể dẫn đến:

Câu 493.1. Bán manh đồng danh

A. Đúng B. Sai

Câu 493.2. Bệnh khổng lồ

A. Đúng B. Sai

Câu 493.3. Giảm nồng độ somatomedin máu

A. Đúng B. Sai

Câu 493.4. Tăng kích thước gan

A. Đúng B. Sai

Câu 493.5. Tăng nồng độ glucose máu

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 494. Hôn mê hạ đường huyết khác với hôn mê tăng đường huyết ở điểm nào?

Câu 494.1. Mất ý thức nhanh chóng

A. Đúng B. Sai

Câu 494.2. Mạch yếu

A. Đúng B. Sai

Câu 494.3. pH máu bình thường

A. Đúng B. Sai

Câu 494.4. Không có glucose niệu

A. Đúng B. Sai

Câu 494.5. Nồng độ acetone cao trong nước tiểu

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 495. Suy thượng thận có thể làm giảm:

Câu 495.1. Thể tích dịch ngoại bào

A. Đúng B. Sai

Câu 495.2. Tổng số khối hồng cầu

A. Đúng B. Sai

Câu 495.3. Tỷ lệ Natri:Kali huyết tương

A. Đúng B. Sai

Câu 495.4. Huyết áp động mạch

A. Đúng B. Sai

Câu 495.5. Ure máu

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 496. Trong đái tháo đường toan ceton, sự thoái hóa của chất nào giảm?

Câu 496.1. Ketone

A. Đúng B. Sai

Câu 496.2. Glycogen

A. Đúng B. Sai

Câu 496.3. Glucose

A. Đúng B. Sai

Câu 496.4. Chất béo

A. Đúng B. Sai

Câu 496.5. Acid amin

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 498. Thiếu bài tiết GH:

Câu 498.1. Ở trẻ em sẽ gây chậm dậy thì

A. Đúng B. Sai

Câu 498.2. Ở trẻ em dẫn đến tầm vóc lùn, chi còi cọc hơn thân mình

A. Đúng B. Sai

Câu 498.3. Đi kèm với da nhợt, mịn và mềm

A. Đúng B. Sai

Câu 498.4. Ở người lớn dẫn đến giảm kích thước nội tạng

A. Đúng B. Sai

Câu 498.5. Có thể được điều trị hiệu quả với GH bò

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 499. Sự bài tiết PTH thường tăng ở:

Câu 499.1. Bệnh nhân suy thận mạn

A. Đúng B. Sai

Câu 499.2. Ở người sử dụng quá liều vitamin D

A. Đúng B. Sai

Câu 499.3. Ở bệnh nhân u thùy trước tuyến yên bài tiết quá mức hormone

A. Đúng B. Sai

Câu 499.4. Nồng độ phosphate máu giảm

A. Đúng B. Sai

Câu 499.5. Nồng độ protein huyết tương tăng

A. Đúng B. Sai

[<br>]

Câu 501. Phẫu thuật cắt bỏ tuyến yên có thể dẫn đến giảm:

Câu 501.1 Áp lực thẩm thấu huyết tương

A. Đúng B. Sai

Câu 501.2. Tần xuất kinh nguyệt

A. Đúng B. Sai

Câu 501.3. Lông nách

A. Đúng B. Sai

Câu 501.4. Ham muốn tình dục

A. Đúng B. Sai

Câu 501.5. Kích thước vú

A. Đúng B. Sai